TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1102/2019/DS-PT
Ngày: 25/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh

Bà Trần Thị Kim Quy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 và ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 440/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản".

Do Bản án số 100/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Toà án nhân dân quận G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4734/2019/QĐ-PT ngày 08/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 9276/2019/QĐ-PT ngày 04/11/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Hà Thúy H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Trung L (Có mặt), sinh năm 1984, địa chỉ: Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Hữu O

2. Bà Trần Thị Mộng P, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông O: Bà Trần Thị Thu R (Có mặt), sinh năm 1996; S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà P: Bà Trịnh Thị H (Có mặt), sinh năm 1986; địa chỉ: S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Luật sư Nguyễn Thanh U (Có mặt) thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, biên bản phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Trong thời gian từ tháng 6/2017 đến nay, bà Hà Thúy H cho ông Huỳnh Hữu O mượn tiền làm nhiều lần với tổng số tiền là 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng và ngày 31/10/2018 vợ ông Huỳnh Hữu O là bà Trần Thị Mộng P thỏa thuận bán cho bà H căn nhà phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng và nhận trước số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng nhưng sau khi lấy số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng bà Trần Thị Mộng P đổi ý kêu bán với giá cao hơn là 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng, bà H không đồng ý mua nhưng bà P vẫn không chịu trả lại số tiền đã nhận cho bà H. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Hữu O và bà Trần Thị Mộng P trả lại cho bà H số tiền 5.325.000.000 đồng và 826.832.000 đồng tiền lãi.

Bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, biên bản phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Vũ Quốc V trình bày:

Do quen biết trước nên ông Huỳnh Hữu O có vay tiền của bà Hà Thúy H nhiều lần với số tiền 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng. Nay với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông O đồng ý trả số tiền 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng đã mượn và tiền lãi theo quy định của pháp luật

cho bà H, còn số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng bà H đòi bà Trần Thị Mộng P ông không biết và không đồng ý trả.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, biên bản phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ Bà Trần Thị Mộng P trình bày:

Vào khoảng thời gian cuối tháng 10/2018 bà Hà Thuý H có đến nhà bà P 3 lần:

Lần 1: Ngày 28/10/2018 gặp bà P tại nhà và báo cho bà P biết là chồng bà P ông Huỳnh Hữu O có nợ bà H một số tiền mà bà cho mượn và phần tiền hụi chưa đóng hết.

Lần 2: Ngày 29/10/2018 bà H bàn với bà P về việc muốn mua nhà của bà P.

Lần 3: Ngày 30/10/2018 bà H tiếp tục đến bàn công việc mua nhà.

Ngày 30/10/2018, bà H báo với bà P là đồng ý mua nhà và đất của bà P với giá 15 tỷ đồng (có anh Vũ Quốc V chứng kiến) bà H nói là chưa chuẩn bị kịp tiền đặt cọc. Sáng ngày 31/10/2018 bà H điện thoại kêu bà P qua khách sạn của bà H (Khách sạn X). Buổi chiều khoảng 15 giờ bà H gọi bà P yêu cầu đến Phường Y, Quận L (Chung cư A1) đến nhận khoản tiền đợt 1 theo thoả thuận mua bán nhà. Khoảng 15 giờ 30 phút, bà P và con bà là Nguyễn Lâm B1 đến địa chỉ trên. Bà H giao bà P số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng. Bà H yêu cầu bà P ghi giấy nhận tiền nên bà P có ghi giấy nhận tiền theo nội dung bà H đọc cho bà P viết (Vì thời gian gấp quá nên bà P chỉ ghi là giấy nhận tiền chứ không ghi giấy nhận cọc). Sau khi ghi xong giấy bà P và con bà P với bà H ngồi đếm tiền đếm được vài xấp thì thấy xấp nào cũng thiếu, bà H liền điện thoại cho một thanh niên nói "Tại sao tiền hôm qua mày đưa tao xấp nào cũng thiếu?". Sau đó bà liền gọi người thanh niên đó tới ngồi đếm chung. Sau đó mẹ con bà P và người thanh niên trạc hơn 30 tuổi gọi bà H bằng cô cùng ngồi đếm tiền (Đếm bằng tay). Đếm hết số tiền thì cả nhóm 4 người mới phát hiện là thiếu 87.500.000 đồng nên bà P không nhận và gửi lại bà H. Bà H giải thích là số tiền này là của 2 người làm ăn chung trả cho bà là ông C1 và bà D1 nên bà H gọi

điện thoại cho 2 người này đến giải quyết. Sau đó bà H nói là hai người này còn bận công việc chưa đến liền được nên cả 4 người ngồi chờ.

Đến khoảng 17 giờ 30, bà H bảo với bà P đem số tiền nói trên đến tận nhà bà D1 và ông C1 để họ kiểm tra nên bà P đồng ý. Bà H giao cho bà P giữ số tiền này để vào bọc xốp do bà H đưa (Vì lúc này bà P đã ghi giấy nhận tiền rồi). Bà P để con bà P lấy xe ở bãi, 3 người còn lại (Bà P, bà H và người thanh niên) đi lên chung xe taxi đến nhà bà D1 và ông C1 tại địa chỉ: Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xuống xe cả nhóm 3 người lên trên lầu ngồi chờ bà D1 và ông C1 chờ đến 18 giờ 30 nhưng vẫn chưa thấy 2 người này tới. Bà H có báo bà P hôm đó là ngày bà H tổ chức sinh nhật của bà nên bà rất gấp và bà bàn với bà P là giao lại số tiền này cho người thanh niên nói trên và bà gọi điện thoại cho con trai bà tên E1 đến để 2 người này cùng giữ số tiền nói trên để gặp vợ chồng bà D1 ông C1 giải quyết, nên bà P giao lại số tiền 2.912.500.000 đồng cho 3 người này (Bà H, Nam con bà H và người cháu gọi bà H bằng cô).

Lúc đó bà H có mời bà P và con trai bà P cùng đi dự sinh nhật của bà H và bà có nói để con bà H (E1) ngồi chờ hai vợ chồng ông C1 và bà D1 về kiểm tra tiền và đắp vô khoản tiền thiếu và mang đến tận nơi ăn tiệc giao cho bà P, nên bà P nhận lời. Bà P và bà H đi bằng taxi còn con trai bà P đi theo bằng xe gắn máy đến nhà hàng G1 tại địa chỉ: Phường H1, Quận L.

Khi cả 3 người đến nhà hàng thì một số khách của bà H đang ngồi chờ. Sau khi chào bạn, bà P và con trai bà P cùng bà H ngồi xuống. Qua bà H giới thiệu bà P mới biết trong bàn gồm có những người là bạn bè con cháu bà H có tên sau đây:

Hai vợ chồng anh I1, chị K1, con dâu và cháu nội bà H, anh L1, anh M1, anh K1, anh N1.

Khi ngồi ăn tiệc khoảng 30 phút, bà P thấy E1 con trai bà H đến có trao đổi với bà H trước mặt bà P là số tiền đó đã giao lại cho vợ chồng ông C1 bà D1 giữ và ngày mai sẽ trả lại cho bà H để bà giao cho bà P.

Khoảng 1 tiếng sau khi bà H có nhu cầu đi vệ sinh, bà P cùng bà đi vào nhà vệ sinh nữ và bà P có yêu cầu bà H cho bà P nhận lại tờ giấy ghi nhận tiền (Vì bà P đã giao lại số tiền cho bà H và con của bà rồi) thì bà H có lấy ra từ giỏ xách bà mang trên người tờ giấy rồi giơ lên cho bà P xem, nói "Giấy của em nè", bà P có giơ tay ra định lấy thì bà H không đưa ngay tay bà P mà tự xé rồi bỏ vào bồn cầu bấm xả nước. Bà P cũng nghi ngờ đó có phải tờ giấy của bà P không, nhưng do tin tưởng bà H là người có uy tín, bà P cũng yên tâm.

Bà P nghĩ việc trả lại tiền có đầy đủ mặt mọi người (Bà H, E1 con trai của bà H và cậu thanh niên cháu bà H) và việc bà H đã xé tờ giấy bà P ghi nhận tiền là hoàn toàn sự thật nên bà P cũng rất yên tâm. Thật sự bà P đã giao lại toàn bộ số tiền nói trên và bà H đã xé giấy ghi nhận tiền của bà P trước mặt bà P mà bà P không hiểu bà H lấy lý do gì kiện bà P có nhận của bà H số tiền là 3 tỷ đồng.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà P không đồng ý trả cho bà H số tiền ba tỷ đồng. Số tiền ông O nợ của bà H thì ông O tự trả cho bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân quận O1 quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Bà Hà Thúy H:

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng theo giấy nhận tiền ngày 31/10/2018.

- Buộc ông Huỳnh Hữu O phải trả cho bà Hà Thúy H số tiền 2.903.575.069 (Hai tỷ chín trăm lẻ ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng trong đó 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng nợ gốc theo các giấy mượn nợ ngày 28/7/2017; 15/11/2017; 21/7/2017 và 29/8/2017 và 553.575.069 (Năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng tiền lãi;

- Buộc bà Trần Thị Mộng P phải trả cho bà Hà Thúy H số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng theo giấy nhận tiền ngày 31/10/2018.

- Không chấp nhận yêu cầu của Bà Hà Thúy H buộc ông Huỳnh Hữu O trả số tiền lãi 256.909.431 (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn bốn trăm ba mươi mốt) đồng.

- Kể từ ngày 29/5/2019 nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Huỳnh Hữu O phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Kể từ ngày Bà Hà Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bà Nguyễn Thị Mộng P phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 bị đơn ông Huỳnh Hữu O và bà Trần Thị Mộng P có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện bị đơn Huỳnh Hữu O trình bày: Do nhầm lẫn nên người đại diện ông O tại cấp sơ thẩm thừa nhận việc ông O có nợ bà H số nợ gốc tổng công là 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng, tuy nhiên đối với giấy nhận tiền ngày 21/7/2017 ghi có nhận số tiền 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng, thực tế đây không phải là khoản vay nợ mà là tiền bà H thanh toán hợp đồng xây dựng ký cùng ngày với ông O và giao tiền đợt 1. Thực tế ông O chỉ nợ bà H số tiền ghi trong 3 giấy nợ ngày 28/7/2017, 15/11/2017 và ngày 29/8/2017 cùng một khoản tiền chơi huê còn thiếu 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, tổng cộng là 2.150.000.000 (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng.

Đại diện bà Trần Thị Mộng P cùng luật sư trình bày : Thực tế bà P đã viết giấy biên nhận tiền ngày 31/10/2018 nhưng chưa hề nhận số tiền 3.000.000.000 đồng, vì khi hai bên kiểm đếm thấy thiếu tiền nên bà P đã giao lại cho bà H mà sơ ý không lấy lại ngay giấy biên nhận nói trên. Tại cấp sơ thẩm phía bà P đã yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ trích suất camera nơi giao nhận tiền đồng thời triệu tập nhân chứng là bà D1 và ông C1 để làm rõ nhưng Tòa án sơ thẩm không chấp nhận là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặt khác giả sử giấy ghi nhận này là có thực nhưng chỉ thể hiện sự việc vay mượn tiền chứ không phải giấy đặt cọc, thời hạn vay tiền không thể hiện trong thỏa thuận nhưng bà H chưa hề thông báo đòi nợ đã khởi kiện là chưa đủ điều kiện nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết là không đúng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án và khắc phục các sai sót trên.

Đại diện nguyên đơn bà Hà Thúy H trình bày : Hồ sơ thể hiện trong giai đoạn sơ thẩm, đại diện bà P thừa nhận việc giao nhận tiền là để thực hiện việc mua bán nhà, việc giao tiền giai đoạn đầu là 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng đã hoàn thành thể hiện qua giấy nhận tiền ngày 31/10/2018.

Đối với ý kiến phía ông O cho rằng khoản tiền 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng ngày 21/7/2017 là việc thanh toán tiền xây dựng, tại cấp sơ thẩm, đại diện ông O đã thừa nhận tổng số nợ với bà H là 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng và không hề xuất trình hợp đồng xây dựng với bà H như phía ông O trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng cứ mới là hợp đồng xây dựng này. Mặt khác nội dung số tiền thanh toán ghi trong hợp đồng này cũng không phù hợp với lời trình bày của phía ông O. Đề nghị Tòa án bác kháng cáo của ông O, bà P.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm :

Về thủ tục tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Hồ sơ vụ án thể hiện đã có sự giao nhận số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng tiền mua nhà ngày 31/10/2018 giữa bà H và bà P. Bà P cho rằng đã giao lại tiền cho bà H nhưng không có gì để chứng minh, trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, đại diện ông O đều thừa nhận khoản nợ gốc chưa trả bà H là 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng do đó quyết định của cấp sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

Đại diện ông Huỳnh Hữu O cùng luật sư cho rằng chưa có sự giao tiền đồng thời cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không thu thập chứng cứ, không lấy lời khai nhân chứng và trích xuất camera theo yêu cầu của phía bà P và đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông O, bà P. Giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Thời hạn kháng cáo : Ngày 28/5/2019 Tòa án nhân dân Quận G xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST. Ngày 07/6/2019 ông Huỳnh Hữu O và bà Trần Thị Mộng P kháng cáo. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo :

Ông Huỳnh Hữu O không chấp nhận khoản nợ 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng ngày 21/7/2017 và trình bày đây là tiền bà H thanh toán cho hợp đồng xây dựng giữa ông O và bà H ký cùng ngày, chỉ chấp nhận khoản nợ ghi trong 3 giấy nợ ngày 28/7/2017, 15/11/2017 và ngày 29/8/2017 cùng một khoản tiền chơi huê còn thiếu 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, tổng cộng là 2.150.000.000 (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng. Xét thấy quá trình giải quyết tại tòa cấp sơ thẩm, tại các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa đại diện ông O đều thừa nhận có nợ bà H tổng cộng là 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng, lời khai nhận nợ này phù hợp với các giấy ghi nhận nợ mà nguyên đơn đã xuất trình thể hiện ông O có vay của bà H số tiền 650.000.000 đồng ngày 21/7/2017 nói trên. Đối với lời

trình bày của phía ông O cho rằng khoản tiền này là tiền thanh toán hợp đồng xây dựng ký giữa ông O với bà H. Xét thấy tại cấp phúc thẩm phía ông O có xuất trình một bản hợp đồng xây dựng ký giữa hai bên, tuy nhiên nội dung của quá trình thanh toán ghi trong hợp đồng cũng không phù hợp với số tiền giao nhận ngày 21/7/2017 giữa ông O và bà H. Do đó cấp sơ thẩm xác định ông O còn nợ bà H 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng và căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao tính tổng số lãi của số nợ trên là 553.575.069 đồng là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bà P xét thấy phía nguyên đơn xuất trình giấy ghi nhận tiền ngày 31/10/2018 thể hiện bà P có nhận của bà H số tiền là 3.000.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm bà P xác nhận đây là tiền thanh toán cho việc mua bán nhà tuy nhiên khi bà giao lại tiền cho bà H, bà P sơ xuất không lấy lại giấy biên nhận này, bà P không có chứng cứ gì để chứng minh việc đã giao lại tiền cho bà H do đó cấp sơ thẩm buộc bà P phải hoàn trả lại khoản tiền này là có căn cứ. Bà P cùng luật sư cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và yêu cầu hủy án sơ thẩm vì lý do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, không lấy lời khai nhân chứng là ông C1, bà D1, không trích xuất camera tại nơi giao nhận tiền, xét thấy cấp sơ thẩm đã thu thập lời khai của ông Huỳnh Lâm B1 và ông Nguyễn Hoàng E1 cùng với chứng cứ là giấy nhận tiền ngày 31/10/2018 là đầy đủ, việc triệu tập thêm nhân chứng cũng như trích suất camera trong trường hợp này là không cần thiết.

Đối với những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ những nhận định trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông Huỳnh Hữu O và bà Trần Thị Mộng P, giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông O và bà P mỗi người phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 273, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, sử dụng án phí, lệ Tòa án;

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hữu O và bà Trần Thị Mộng P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hà Thúy H:

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng theo giấy nhận tiền ngày 31/10/2018.

- Buộc ông Huỳnh Hữu O phải trả cho bà Hà Thúy H số tiền 2.903.575.069 (Hai tỷ chín trăm lẻ ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng trong đó 2.350.000.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng nợ gốc theo các giấy mượn nợ ngày 28/7/2017; 15/11/2017; 21/7/2017 và 29/8/2017 và 553.575.069 (năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng tiền lãi;

- Buộc bà Trần Thị Mộng P phải trả cho bà Hà Thúy H số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng theo giấy nhận tiền ngày 31/10/2018.

- Không chấp nhận yêu cầu của Bà Hà Thúy H buộc ông Huỳnh Hữu O trả số tiền lãi 256.909.431 (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn bốn trăm ba mươi mốt) đồng.

- Kể từ ngày 29/5/2019 nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Huỳnh Hữu O phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Kể từ ngày Bà Hà Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bà Nguyễn Thị Mộng P phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu

không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí :

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Hữu O phải chịu 90.071.501 đồng (Chín mươi triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm lẻ một đồng); bà Nguyễn Thị Mộng P chịu 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng). Bà Hà Thúy H phải chịu 12.845.472 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thâm được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0026216 ngày 05 tháng 11 năm 2018; AA/2017/0026235 ngày 16/11/2018 và AA/2017/0026708 ngày 22/2/2019 của Chi cục Thi hành án Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại Bà Hà Thúy H số tiền 91.057.008 đồng (Chín mươi mốt triệu không trăm năm mươi bảy nghìn không trăm lẻ tám đồng). Bà Hà Thúy H đã nộp đủ tiền án phí.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 42/2018/QĐ-BPKCTT ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận G để bảo đảm thi hành án.

- Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 41/2018/QĐ-BPBĐ ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận G: Bà Hà Thúy H được liên hệ với Ngân hàng P1 để nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh (nếu có).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Hữu O và bà Trần Thị Mộng P mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng mỗi người đã nộp theo biên lai thu số 0031240 và 0031239 ngày 11 thàng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận G;
- TAND Quận G;
- Chi cục THA Quận G;
- Cục THA TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh